

Số: 3074 /TCT-CS
V/v hoá đơn

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2014.

Kính gửi:

- Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 4029/CT-QLAC ngày 29/5/2014 của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh, công văn số 512/CT-AC ngày 5/6/2014 của Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng về việc vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1/ Về việc tạo hoá đơn tự in, đặt in:

Tại tiết đ, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ quy định:

“đ) Tổ chức không phải là doanh nghiệp nhưng có hoạt động kinh doanh (bao gồm cả hợp tác xã, nhà thầu nước ngoài, ban quản lý dự án); hộ, cá nhân kinh doanh; tổ chức và doanh nghiệp khác không thuộc trường hợp được tự in, đặt in hóa đơn mua hoá đơn đặt in của cơ quan thuế theo hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư này.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Hợp tác xã đang sử dụng hoá đơn đặt in và kê khai thuế ổn định không có vi phạm không thuộc đối tượng rủi ro thì tiếp tục giải quyết cho đơn vị được tạo hoá đơn đặt in.

Đối với Hợp tác xã mới thành lập từ ngày 1/6/2014 thì mua hoá đơn của cơ quan thuế, không được tạo hoá đơn tự in, đặt in.

2/ Về phương pháp xác định doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao:

Tại khoản 2, Điều 11 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“2. Doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế tại điểm d khoản 1 Điều này là các doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu dưới 15 tỷ đồng và có một trong các dấu hiệu sau:

a) Không có quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp các cơ sở vật chất sau: nhà máy; xưởng sản xuất; kho hàng; phương tiện vận tải; cửa hàng và các cơ sở vật chất khác.

b) Doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khai thác đất, đá, cát, sỏi.

c) Doanh nghiệp có giao dịch qua ngân hàng đáng ngờ theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

d) Doanh nghiệp có doanh thu từ việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp khác mà chủ các doanh nghiệp này có mối quan hệ cha mẹ, vợ chồng, anh chị em ruột hoặc quan hệ liên kết sở hữu chéo chiếm tỷ trọng trên 50% trên tổng doanh thu kinh doanh trên Tờ khai quyết toán thuế TNDN của năm quyết toán.

đ) Doanh nghiệp không thực hiện kê khai thuế theo quy định: Không nộp hồ sơ khai thuế hoặc nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh; nghỉ kinh doanh quá thời hạn đã thông báo tạm nghỉ kinh doanh với cơ quan thuế và cơ quan thuế kiểm tra xác nhận doanh nghiệp có sản xuất kinh doanh nhưng không kê khai thuế; không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh và không khai báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan thuế kiểm tra không xác định được nơi đăng ký thường trú, tạm trú của người đại diện theo pháp luật, chủ doanh nghiệp.

e) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị khởi tố về tội trốn thuế, tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước.

g) Doanh nghiệp đang sử dụng hóa đơn tự in, đặt in có sự thay đổi địa chỉ kinh doanh từ 2 lần trở lên trong vòng 12 tháng mà không khai báo theo quy định hoặc không kê khai, nộp thuế ở nơi đăng ký mới theo quy định.

h) Doanh nghiệp có dấu hiệu bất thường khác theo tiêu chí đánh giá rủi ro về thuế của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm căn cứ hướng dẫn tại khoản này định kỳ trước ngày 5 hàng tháng, rà soát, kiểm tra thực tế, lập danh sách doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế. Cục thuế có trách nhiệm tổng hợp danh sách doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế của Chi cục thuế và doanh nghiệp thuộc quản lý của Cục thuế.

Ngày 15 hàng tháng, Cục trưởng Cục thuế ban hành Quyết định kèm theo Danh sách doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế, công bố công khai “Danh sách doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế thực hiện mua hóa đơn do cơ quan thuế phát hành” trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, đồng thời thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết.

Sau 15 ngày kể từ ngày Cục trưởng Cục thuế ban hành Quyết định và thông báo cho doanh nghiệp biết, doanh nghiệp phải dừng việc sử dụng hóa đơn tự in, đặt in và chuyển sang sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm bán hóa đơn cho doanh nghiệp để sử dụng ngay sau khi có thông báo cho doanh nghiệp về việc dừng sử dụng hóa đơn đặt in, tự in.”

Căn cứ quy định nêu trên, Chi cục Thuế có trách nhiệm rà soát, kiểm tra thực tế, lập danh sách doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế để gửi về Cục Thuế để ngày 15 hàng tháng, Cục trưởng Cục thuế ban hành Quyết định kèm

theo Danh sách doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế, công bố công khai “Danh sách doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế thực hiện mua hóa đơn do cơ quan thuế phát hành” trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

3/ Về sử dụng hoá đơn xuất khẩu tự in:

Tại khoản 2a, Điều 3 và khoản 3, Điều 32 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định:

“a) Hoá đơn giá trị gia tăng (mẫu số 3.1 Phụ lục 3 và mẫu số 5.1 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này) là loại hoá đơn dành cho các tổ chức khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ trong các hoạt động sau:

- Bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ trong nội địa;
- Hoạt động vận tải quốc tế;
- Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;
- Xuất khẩu hàng hóa, cung ứng dịch vụ ra nước ngoài.”

“3. Từ ngày 1/6/2014, cơ quan thuế không tiếp nhận Thông báo phát hành hóa đơn xuất khẩu.

Trường hợp các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh chưa sử dụng hết các số hóa đơn xuất khẩu đã đặt in và thực hiện Thông báo phát hành theo hướng dẫn tại Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010, Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính và vẫn có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì đăng ký số lượng hóa đơn xuất khẩu còn tồn và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 31/7/2014 (Mẫu số 3.12 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này). Từ ngày 01/8/2014, các số hóa đơn xuất khẩu còn tồn đã đăng ký theo quy định tại Khoản này được tiếp tục sử dụng. Các số hóa đơn xuất khẩu chưa đăng ký hoặc đăng ký sau ngày 31/7/2014 không có giá trị sử dụng. Doanh nghiệp thực hiện huỷ hoá đơn xuất khẩu theo hướng dẫn tại Điều 29 Thông tư này và sử dụng hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa, cung ứng dịch vụ ra nước ngoài theo hướng dẫn tại Thông tư này.”

Căn cứ quy định nêu trên, từ ngày 1/6/2014, doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh sử dụng hoá đơn GTGT trong hoạt động xuất khẩu. Việc tiếp tục sử dụng hoá đơn xuất khẩu chỉ áp dụng đối với trường hợp hóa đơn xuất khẩu đã đặt in và thực hiện Thông báo phát hành theo hướng dẫn tại Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010, Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính và đã được đăng ký số lượng tồn và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày 1/8/2014. Quy định tiếp tục sử dụng hoá đơn xuất khẩu đặt in là tránh lãng phí về giấy cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh. Đối với hoá đơn xuất khẩu tự in thì khi chưa in ra chưa có sự lãng phí nên không có quy định tiếp tục sử dụng hoá đơn xuất khẩu tự in còn tồn. Doanh nghiệp thực hiện huỷ trong hệ thống máy tính đối với số lượng hoá đơn xuất khẩu đã thông báo phát hành nhưng chưa sử dụng.

4/ Về hiệu lực thi hành:

Tại Điều 11 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ quy định:

1. Cơ quan thuế bán hoá đơn cho các đối tượng sau:

...

c) Tổ chức kinh doanh, doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp theo tỷ lệ % nhân với doanh thu.”

Tại Điều 32 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định:

“1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày **01 tháng 6 năm 2014**. Bãi bỏ Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Các nội dung hướng dẫn về hoá đơn tại các văn bản trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Các văn bản hướng dẫn khác về hóa đơn không trái với Thông tư này vẫn còn hiệu lực thi hành.

2. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh đang sử dụng hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nếu không thuộc đối tượng chuyển sang mua hóa đơn của cơ quan thuế từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì vẫn thuộc đối tượng được tạo hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in.

Đối với hóa đơn đặt in, tự in doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh đã thực hiện Thông báo phát hành theo hướng dẫn tại Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010, Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính thì được tiếp tục sử dụng.”

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, từ 1/6/2014, doanh nghiệp mới thành lập thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp theo tỷ lệ % nhân với doanh thu không thuộc trường hợp được tạo hoá đơn đặt in, tự in mà thuộc đối tượng mua hoá đơn của cơ quan thuế.

Trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi phương pháp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp theo tỷ lệ % nhân với doanh thu đã thực hiện đặt in hoá đơn bán hàng và đã thực hiện Thông báo phát hành theo hướng dẫn tại Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010, Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính mà chưa sử dụng hết thì được tiếp tục sử dụng.

5/ Phát hành hoá đơn của tổ chức kinh doanh:

Tại Điều 9 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định:

“1. Tổ chức kinh doanh trước khi sử dụng hoá đơn cho việc bán hàng hoá, dịch vụ, trừ hóa đơn được cấp tại cơ quan thuế, phải lập và gửi Thông báo

phát hành hoá đơn (mẫu số 3.5 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này), hoá đơn mẫu cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

...

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng hoá đơn và việc chấp hành quy định về quản lý, sử dụng hoá đơn của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan thuế quản lý trực tiếp xác định số lượng hoá đơn được thông báo phát hành để sử dụng từ 3 tháng đến 6 tháng tại Thông báo phát hành hoá đơn của tổ chức, doanh nghiệp.”


Về vấn đề này, Tổng cục Thuế đã có công văn số 2010/TCT-TVQT ngày 30/5/2014 v/v hướng dẫn thực hiện một số nội dung Thông tư số 39/2014/TT-BTC. (bản photocopy đính kèm)

6/ Về nâng cấp quản lý dữ liệu tại ứng dụng QLAC:

Tổng cục Thuế ghi nhận và tiến hành nâng cấp quản lý dữ liệu tại ứng dụng quản lý ấn chỉ trong thời gian tới.

Tổng cục Thuế trả lời Cục Thuế được biết./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Vụ PC (BTC);
- Vụ PC (TCT);
- Lưu: VT, CS (3b).



**KI. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

09463688